

STATE OF NEBRASKA  
FORM NO. DC 6:4(6)  
Rev. 1/08  
Neb. Rev. Stat. 42-372  
TIỂU BANG NEBRASKA  
MẪU SỐ 6:4(6)  
Được sửa đổi 1/08  
Điều 42-372 của Bộ Luật Cảnh  
Cải Nebraska

**DECREE**  
**(No Children)**  
**ÁN LỆNH HỦY BỎ CUỘC HÔN NHÂN**  
**(Không Có Con Chung)**

CASE NUMBER:  
(assigned by Clerk of Court)  
SỐ HỒ SƠ:  
(do Lục Sự Tòa Án chỉ định)

IN THE DISTRICT COURT OF \_\_\_\_\_ COUNTY, NEBRASKA  
(county where Complaint filed) (quận/hạt nơi nộp đơn xin)  
TẠI TÒA ÁN KHU VỰC CỦA QUẬN/HẠT ( \_\_\_\_\_ ), NEBRASKA

\_\_\_\_\_,  
(your full name) (họ tên đầy đủ của quý vị)

Plaintiff, **Nguyễn Đơn,**  
vs. **kiện**

\_\_\_\_\_,  
(spouse's full name) (họ tên đầy đủ của người phối ngẫu quý vị)  
Defendant. **Bị Đơn.**

**DECREE**  
**(No Children)**

**ÁN LỆNH HỦY BỎ CUỘC**  
**HÔN NHÂN**  
**(Không Có Con Chung)**

**ON THE/ NGÀY** \_\_\_\_\_ day of/ **tháng** \_\_\_\_\_, 20\_\_\_\_\_, this matter  
(date) (ngày) (month) (tháng) (year) (năm)

came on for final hearing on the Complaint for Dissolution of Marriage of the plaintiff. The plaintiff appeared in Court without an attorney. The defendant did/did not appear. The plaintiff adduced evidence, and the Court, having fully reviewed the evidence, finds as follows:

vụ này được đưa ra tòa lần cuối cùng để giải quyết Đơn Xin Hủy Bỏ Cuộc Hôn Nhân của nguyên đơn. Nguyên đơn có ra hầu tòa và không có luật sư đại diện cho mình. Bị đơn có/không ra hầu tòa. Nguyên đơn đã trình bày các chứng cứ. Sau khi xem xét đầy đủ tất cả chứng cứ, Tòa Án phán quyết như sau:

1. The plaintiff or the defendant has been a resident of the State of Nebraska for more than one year prior to the filing of this action and either the plaintiff or the defendant was a resident of \_\_\_\_\_ County at the time the Complaint was filed.  
(county where Complaint filed) (quận/hạt nơi nộp Đơn Xin)

Nguyễn đơn hoặc bị đơn đã sống ở tiểu bang Nebraska hơn một năm trước khi nộp đơn khởi kiện này, và nguyên đơn hoặc bị đơn là thường trú nhân sống tại Quận/Hạt ( \_\_\_\_\_ ) vào lúc nộp đơn.

2. More than 60 days have passed since service was perfected or a voluntary appearance was filed.

Đã hơn 60 ngày kể từ ngày hoàn tất việc tổng đạt giấy tờ hoặc nộp mẫu tự nguyện hầu tòa và công nhận đã nhận giấy tờ (voluntary appearance).

3. The Court has jurisdiction over both parties and over the subject matter of this action.

Tòa Án này có thẩm quyền đối với cả hai đương sự cũng như đối với nội dung vụ kiện.

4. The parties were married on/ Hai đương sự đã làm lễ kết hôn vào ngày

\_\_\_\_\_, in/ ở \_\_\_\_\_  
(date of marriage) (ngày kết hôn)

\_\_\_\_\_  
(city and state where parties were married) (thành phố và tiểu bang nơi làm lễ kết hôn)

No children were born of this marriage that are affected by this proceeding, and none are expected.  
Trong thời gian kết hôn họ không có con chung nào có thể bị ảnh hưởng vì thủ tục này và cũng sẽ không có con sau này.

5. The defendant is not a member of the Armed Forces of the United States or its allies.

Bị đơn không phải là thành viên trong Lực Lượng Vũ Trang của Hoa Kỳ hay các đồng minh của Hoa Kỳ.

6. The marriage of the plaintiff and the defendant is irretrievably broken, and every reasonable effort to effect reconciliation has been made.

Cuộc hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn bị đổ vỡ đến mức không có cách nào hàn gắn lại được, dù đã nỗ lực hòa giải với nhau bằng mọi cách hợp lý có thể.

7. The parties are owners of various items of personal property and have incurred certain debts, and all of the property and debts should be equitably divided between the parties.

Hai đương sự có chung một vài món tài sản cũng như món nợ cần được chia cho hai người một cách công bằng.

8. The plaintiff's former name of/ Nguyên đơn muốn đổi tên trở lại tên cũ trước khi kết hôn, là \_\_\_\_\_, should be restored to her.

(former or maiden name, including first, middle and last names)  
(họ tên trước khi kết hôn, bao gồm tên, chữ lót, và họ)

**IT IS THEREFORE, ORDERED, ADJUDGED, AND DECREED** as follows:  
**NAY TÒA PHÁN, QUYẾT ĐỊNH VÀ RA LỆNH** như sau:

9. The marriage between the plaintiff and the defendant is hereby dissolved. Except for review on appeal, remarriage, and continuation of the health insurance coverage, this Decree shall become final and operative 30 days after this Decree is filed or on the date of death of one of the parties, whichever occurs first. For purposes of remarriage, neither the plaintiff nor the defendant may remarry anyone anywhere in the world for six months after this Decree is filed with the Clerk of the District Court.

Cuộc hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn được hủy bỏ. Trừ trường hợp lệnh này bị tái xét chiếu theo đơn xin kháng cáo, hai đương sự tái hôn, hay tiếp tục mua bảo hiểm sức khỏe cho người kia, Án Lệnh này sẽ được coi là lệnh cuối cùng có hiệu lực bắt đầu 30 ngày sau ngày đăng bạ Án Lệnh hoặc vào ngày một trong hai đương sự qua đời, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước. Về việc tái hôn, cả hai nguyên đơn và bị đơn đều bị cấm kết hôn với bất cứ ai ở bất cứ nơi đâu trên thế giới trong vòng sáu tháng sau ngày Án Lệnh này được đăng bạ với Lục Sự Tòa Khu Vực.

10. Each party shall keep the property in each party's possession and shall be responsible for the debts each has incurred.

Mỗi bên sẽ có quyền giữ lại các món tài sản mình đang cầm giữ và sẽ có trách nhiệm thanh toán các món nợ mình đã vay.

11. The plaintiff's former name of/ **Nguyên đơn được đổi tên trở lại tên cũ là**  
\_\_\_\_\_, is restored to her.

(former name, including first, middle and last names)  
(họ tên trước khi kết hôn, bao gồm tên, chữ lót, và họ)

12. The parties shall pay their own court costs.  
**Mỗi bên sẽ tự thanh toán các chi phí tòa án được quy cho mình.**

13. Neither party is awarded alimony.  
**Không bên nào được hưởng tiền nuôi dưỡng vợ/chồng.**

Dated this/ **Đề ngày** \_\_\_\_\_ day of/ **tháng** \_\_\_\_\_, 20\_\_\_\_.

BY THE COURT:  
**DO TÒA KÝ:**

\_\_\_\_\_  
DISTRICT JUDGE  
**THẨM PHÁN TÒA KHU VỰC**